TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: TVHD- 05/DBQG	Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 2024

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 31/5/ 2024)

1. Khu vực Miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 4, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm. Sông Lô biến đổi chậm theo điều tiết của các hồ thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 5, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm. Trên sông Lô tiếp tục đổi chậm theo điều tiết của các hồ thủy điện tuyến trên.

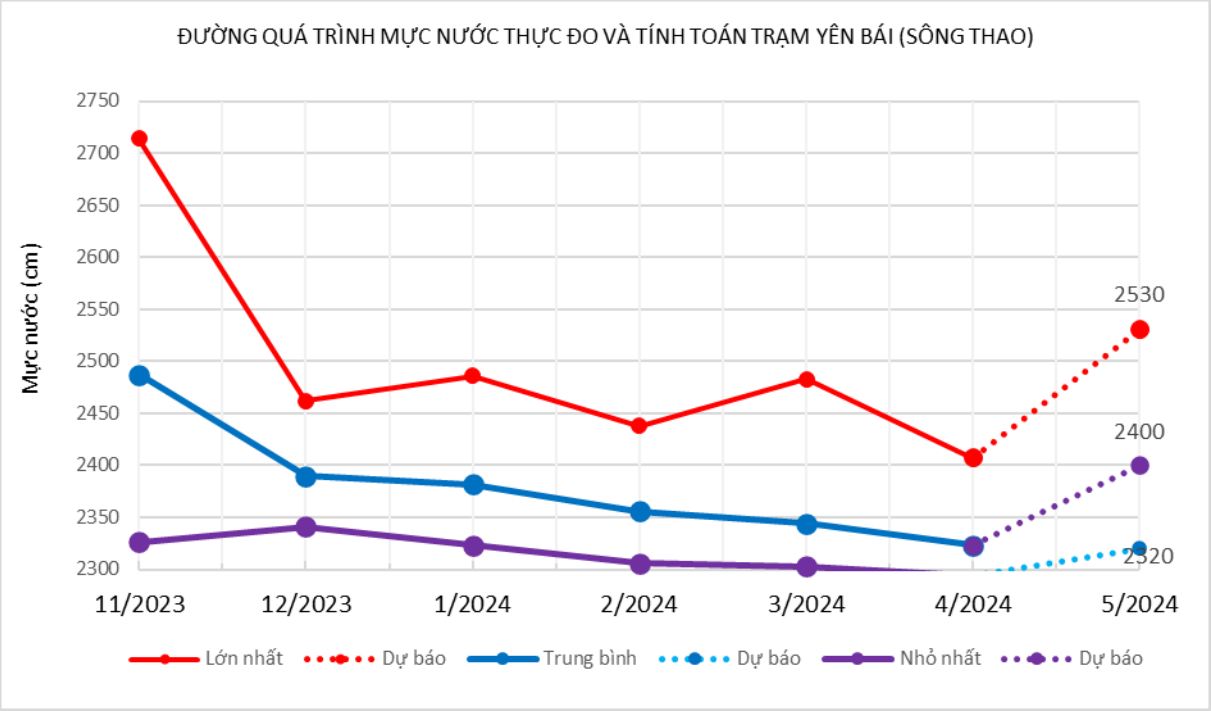

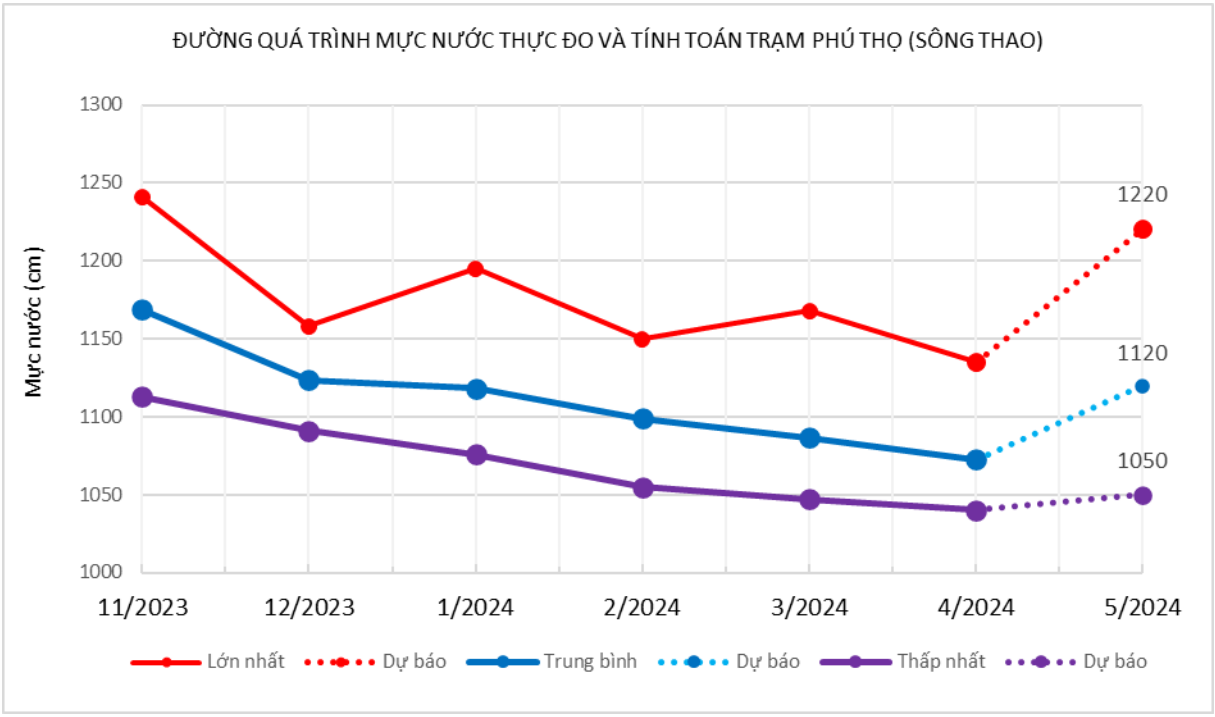
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
1300
1250
1200
1150
1100
1050
1000
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
1220
1120
1050
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

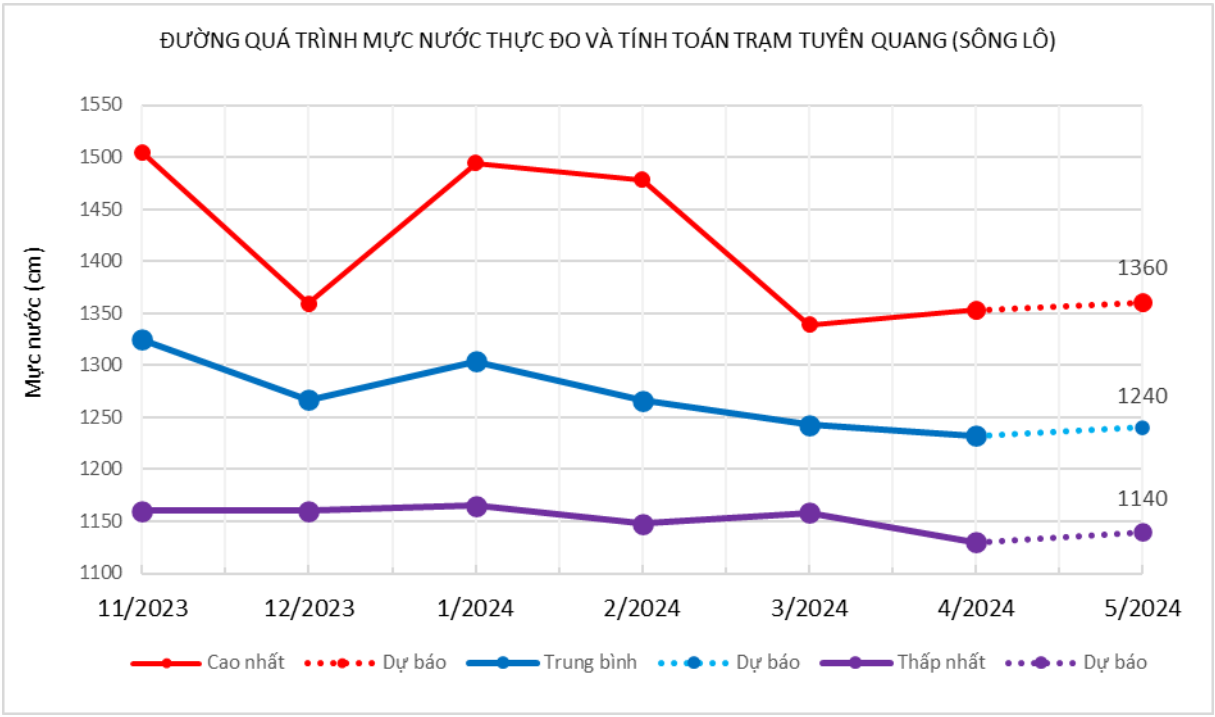
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
1550
1500
1450
1400
1350
1300
1250
1200
1150
1100
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
1360
1240
1140
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

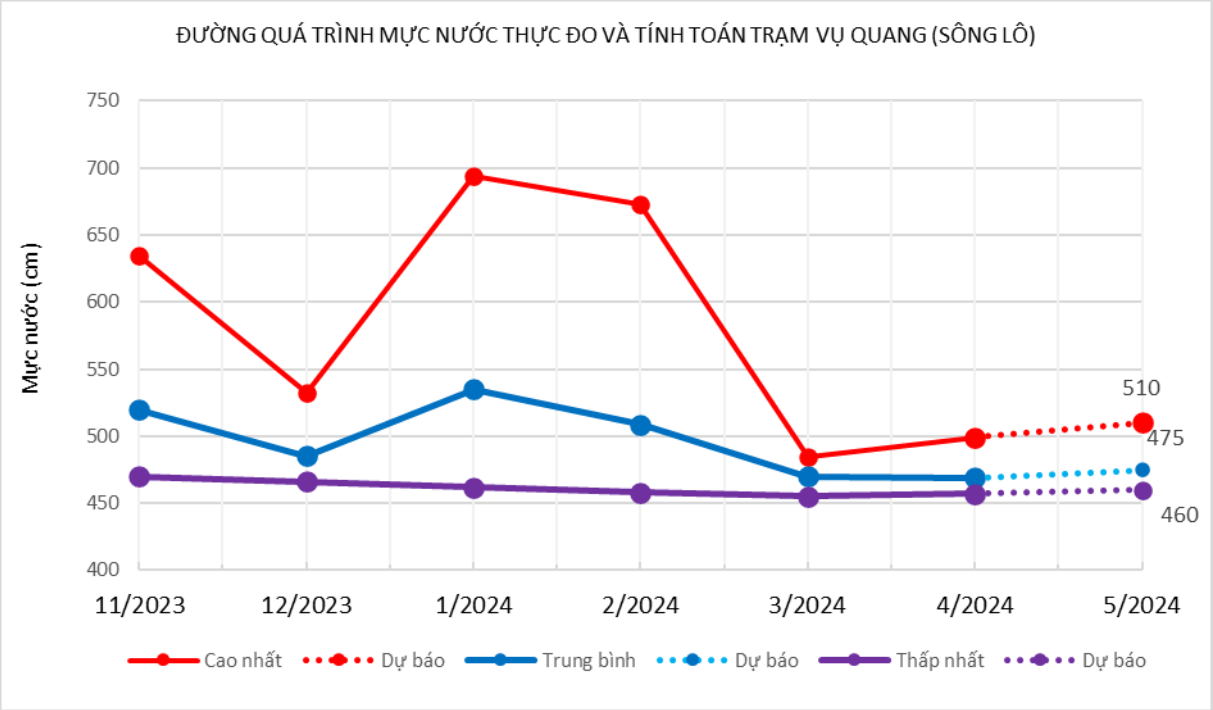

2. Khu vực Đồng Bằng và Trung du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Đà, trong tháng 4 lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

Trong tháng 04/2024, mực nước thượng lưu các sông khu vực Đông Bắc biến đổi chậm. Mực nước khu vực hạ lưu các sông chính Cầu, Thương, Lục Nam biến đổi chậm và dao động theo thủy triều.

Trong tháng 4 mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Hoàng Long tại Bến Đế và hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại biến đổi chậm ở mức thấp và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Đà, trong tháng 5 lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục biến đổi theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

Trong tháng 05/2024, mực nước thượng lưu trên các sông khu vực Đông Bắc sẽ tiếp tục biến đổi chậm trong 20 ngày đầu, đến cuối tháng có khả năng xuất hiện 1 đợt dao động. Mực nước khu vực hạ lưu các sông chính Cầu, Thương, Lục Nam biến đổi chậm và dao động theo thủy triều, đến cuối tháng có khả năng xuất hiện dao động nhỏ.

Trong tháng 5 mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Hoàng Long tại Bến Đế và hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều; giai đoạn cuối tháng dòng chảy trên các sông có khả năng tăng.

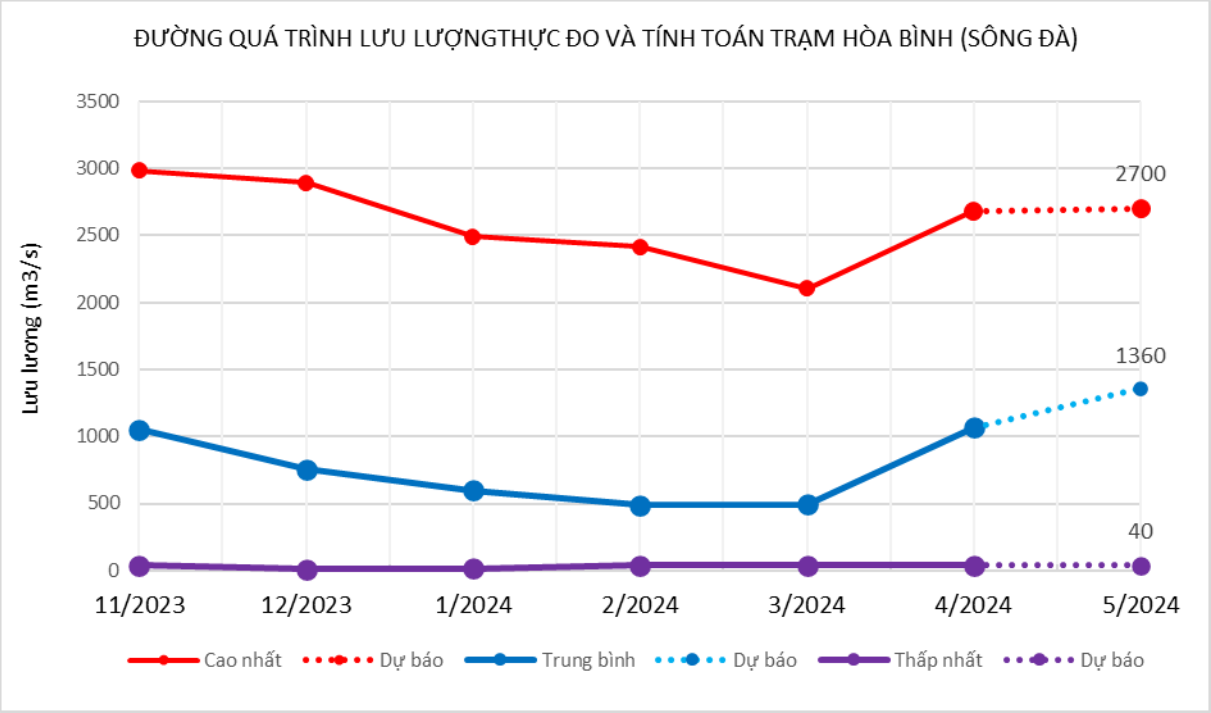
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNGTHỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)
Lưu lương (m3/s)
3500
3000
2500
2000
1500
1000
500
0
2700
1360
40
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

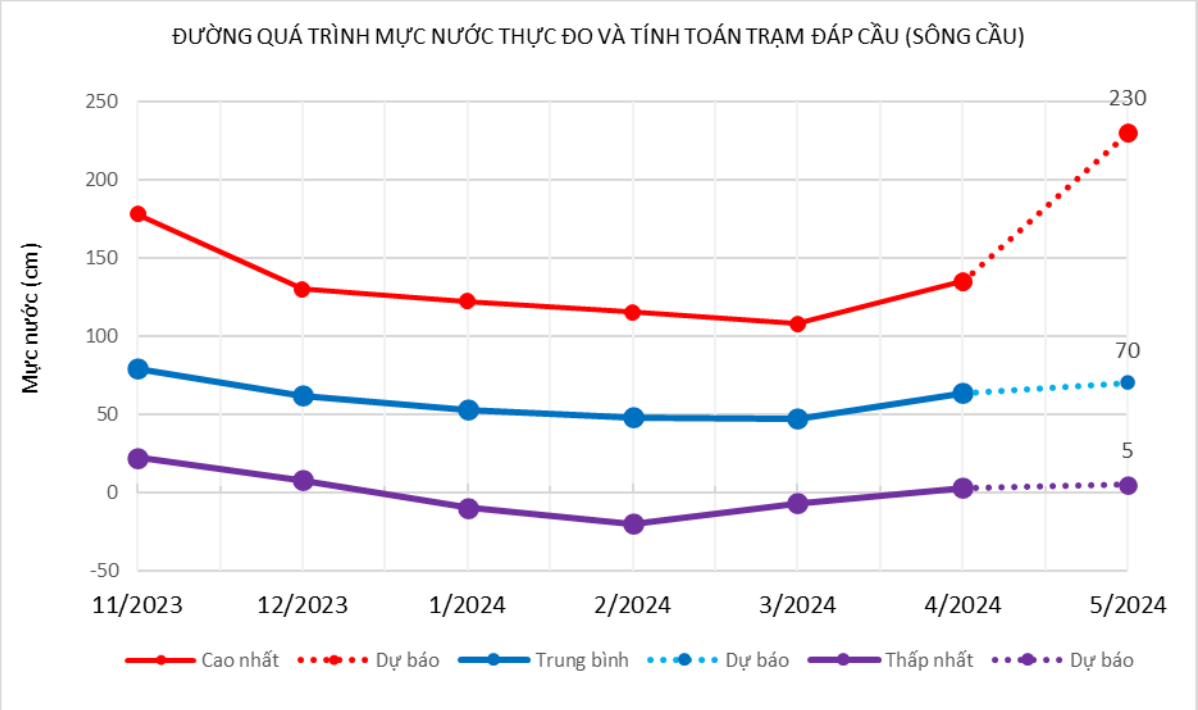
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
230
70
5
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

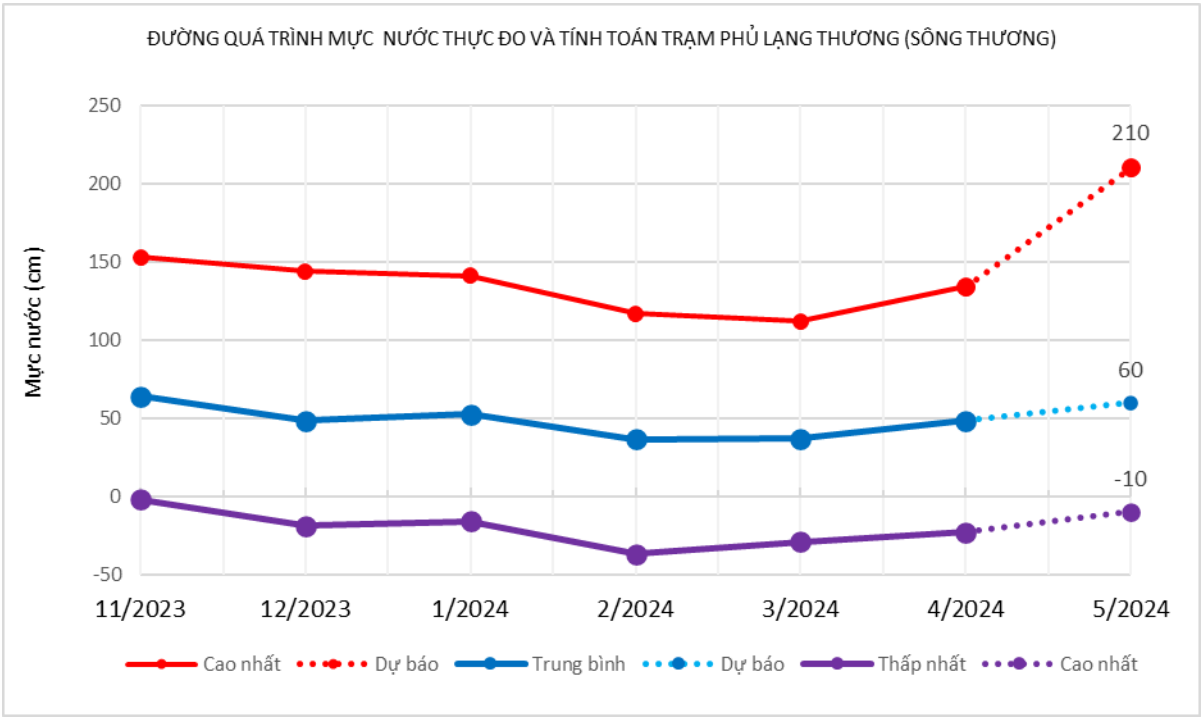
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯƠNG (SÔNG THƯƠNG)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
210
60
-10
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Cao nhất

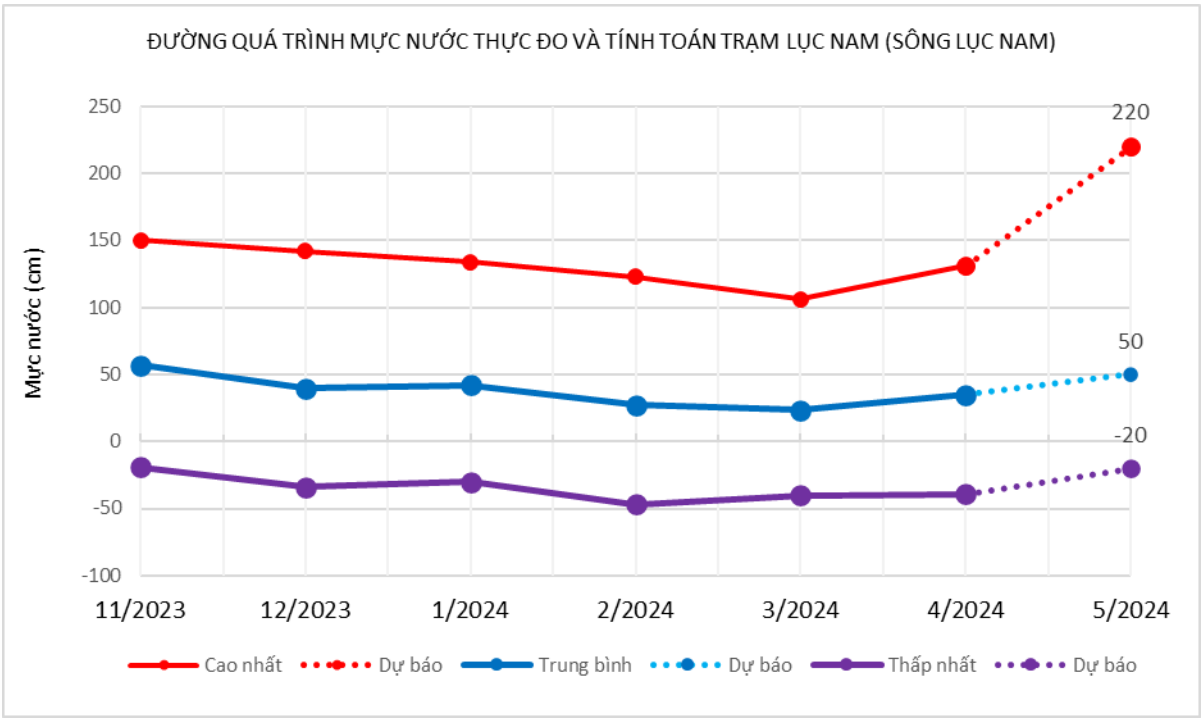
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (SÔNG LỤC NAM)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
220
50
-20
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

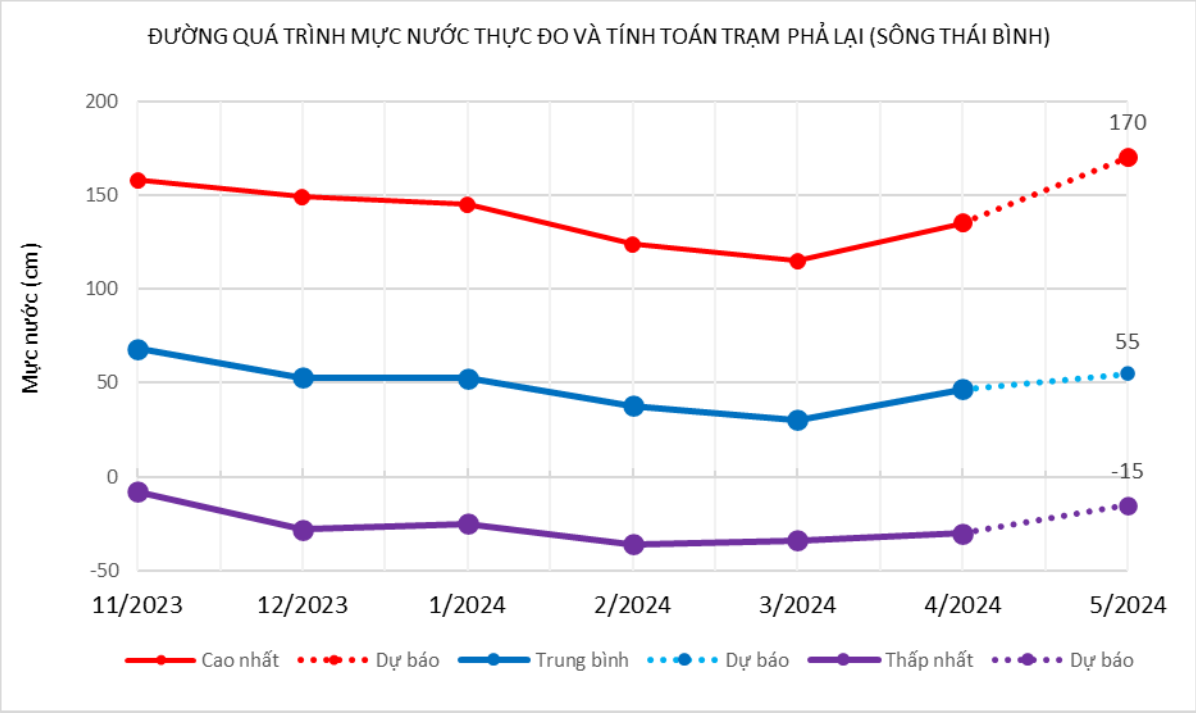
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHẢ LẠI (SÔNG THÁI BÌNH)
Mực nước (cm)
200
150
100
50
0
-50
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
170
55
-15
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

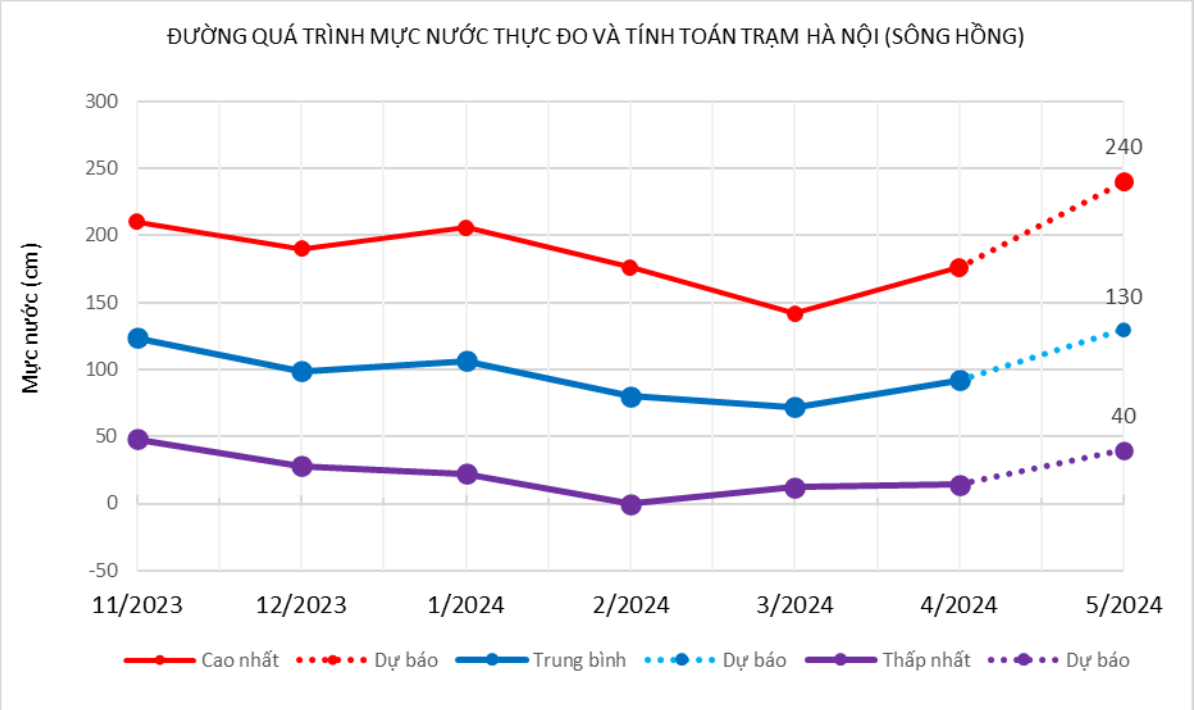
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)
Mực nước (cm)
300
250
200
150
100
50
0
-50
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
240
130
40
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

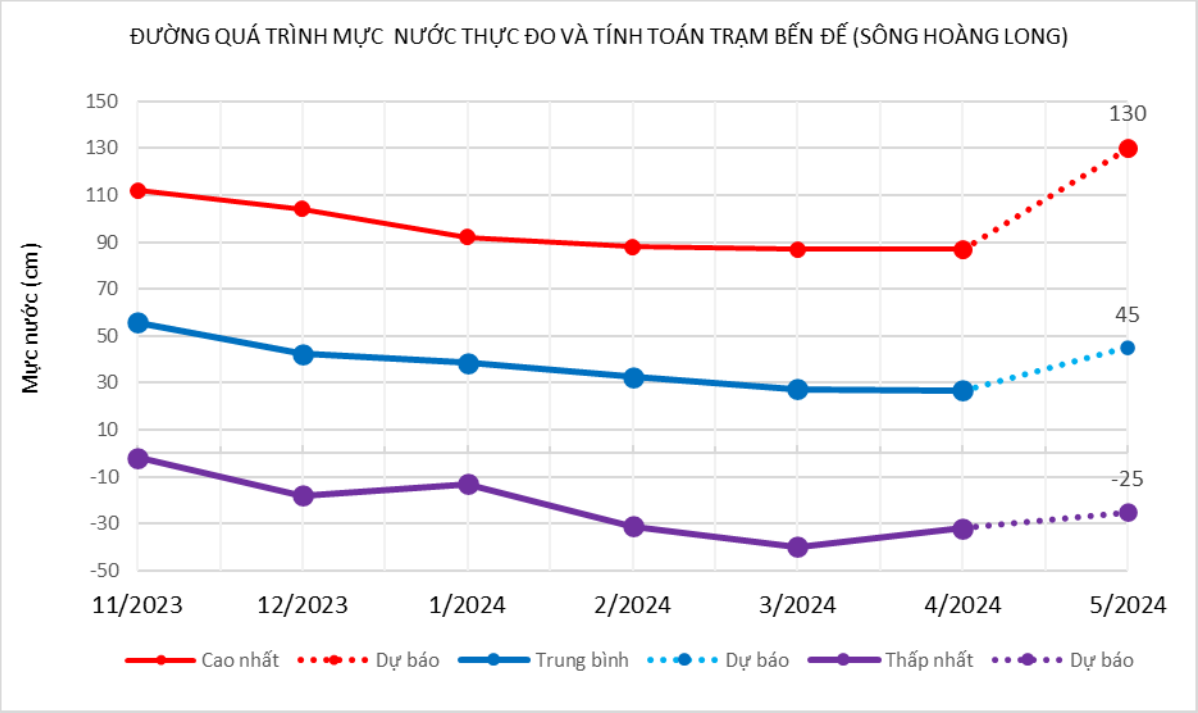

3. Khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 4, mực nước các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trên một số sông đã xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc như sông Mã tại Lý Nhân 0,82m (1h/23/4), sông Cả tại Nam Đàn -0,85m (13h/29/4). Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tháng trước.

b. Dự báo, cảnh báo

Nửa cuối tháng 5, mực nước thượng lưu các sông trong khu vực khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tháng trước.

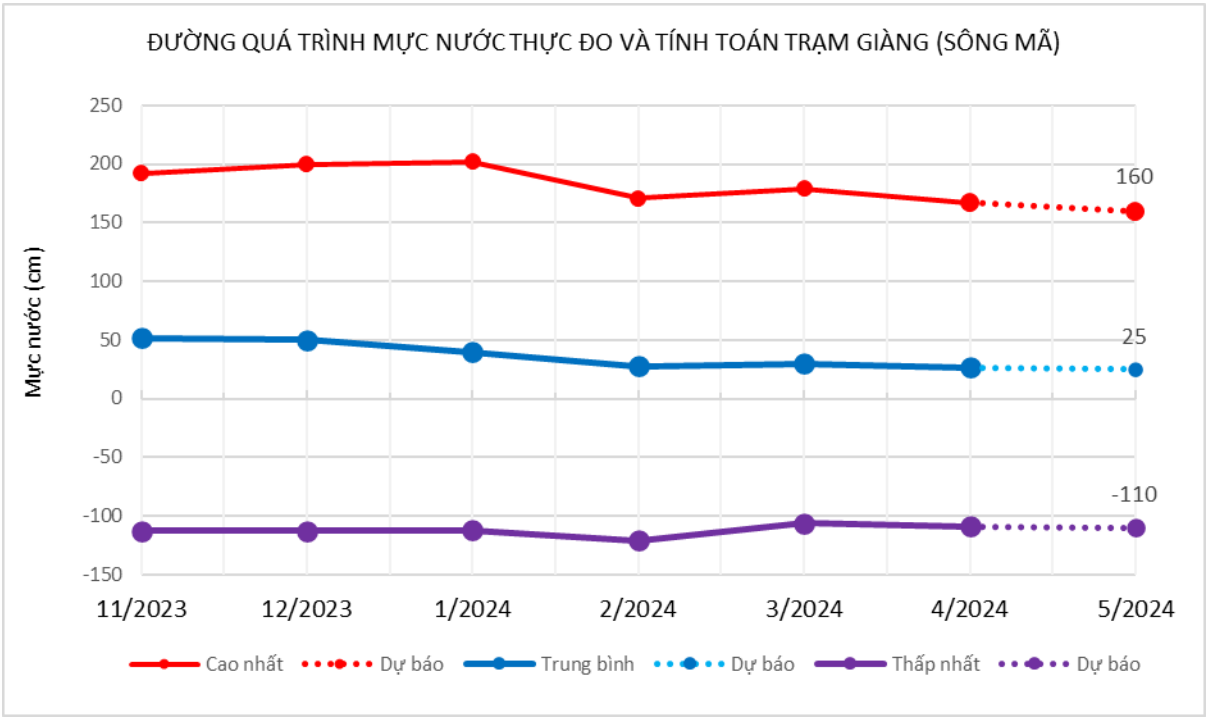
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
-150
160
25
-110
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

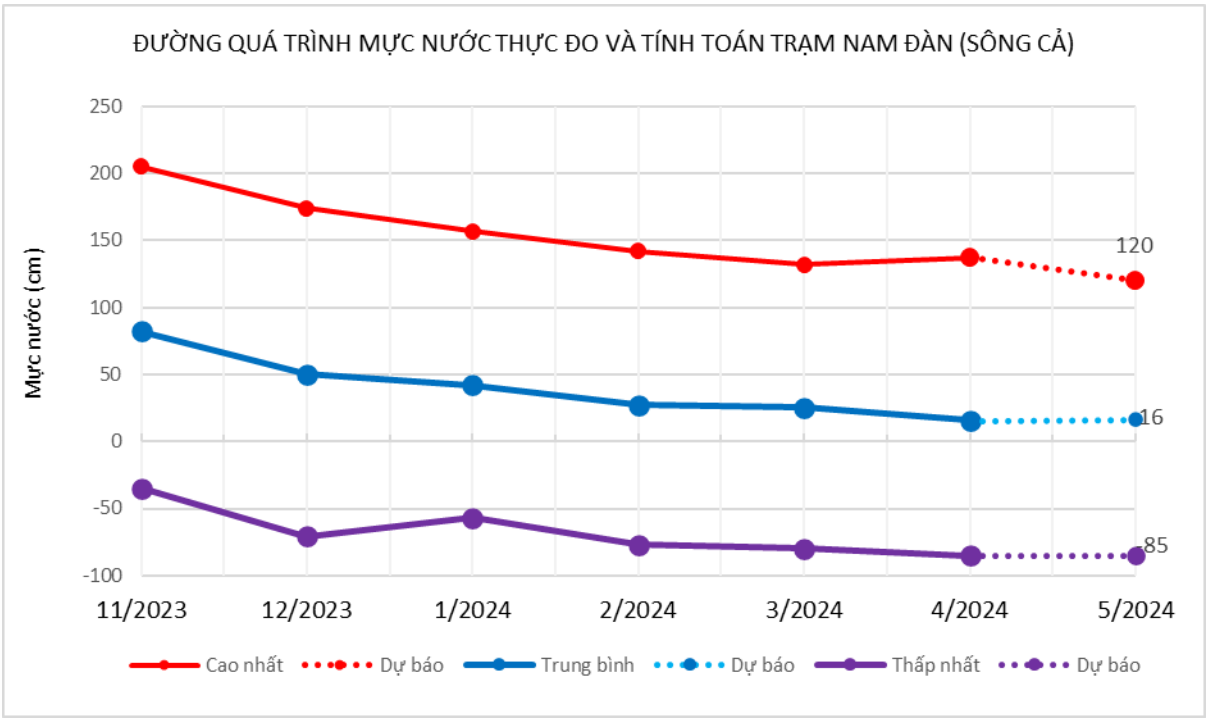
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
120
16
85
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

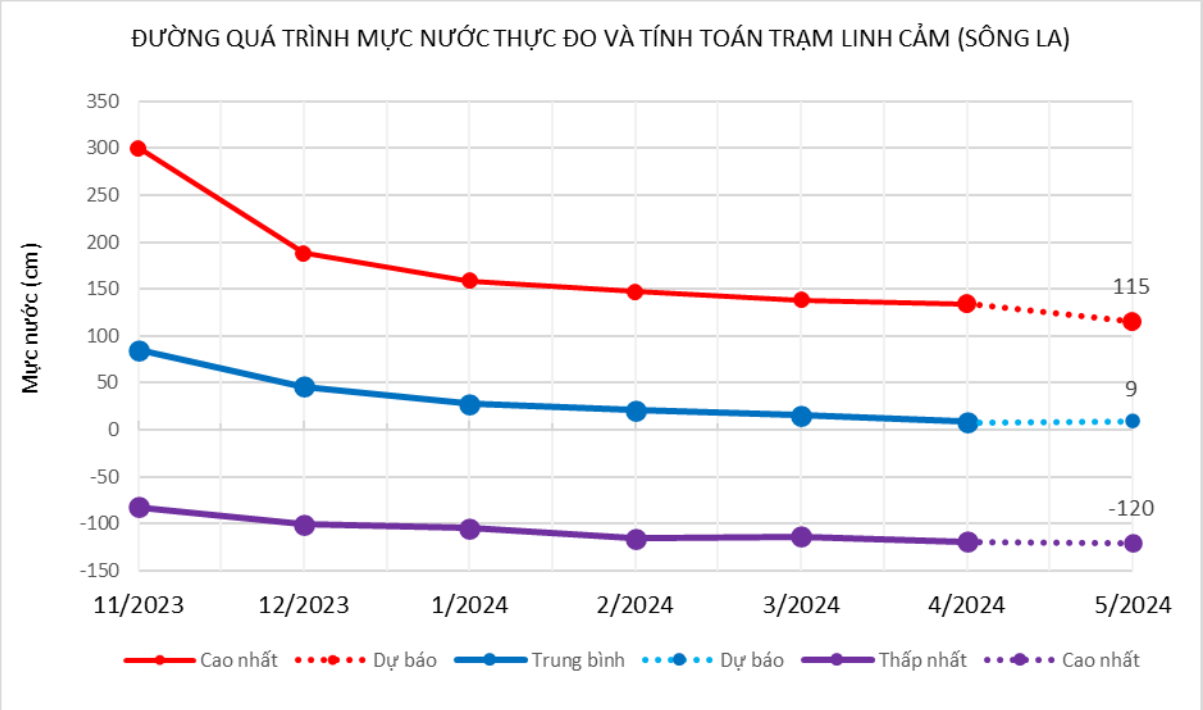

4. Khu vực Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 4, mực nước trên các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm theo xu thế hạ thấp dần. Trên một số sông xuất hiện mực nước xuống thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc như: sông Vu Gia tại Ái Nghĩa: 1,41m (05h/15/4), ở mức thấp nhất lịch sử; sông Thu Bồn tại Giao Thủy -0,47m (01h/15/4), dưới mức thấp nhất lịch sử 0,09m; sông Bến Hải tại Gia Vòng 1,51m (07h/29/4), dưới mức lịch sử 0,08m.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 5, mực nước trên các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm.

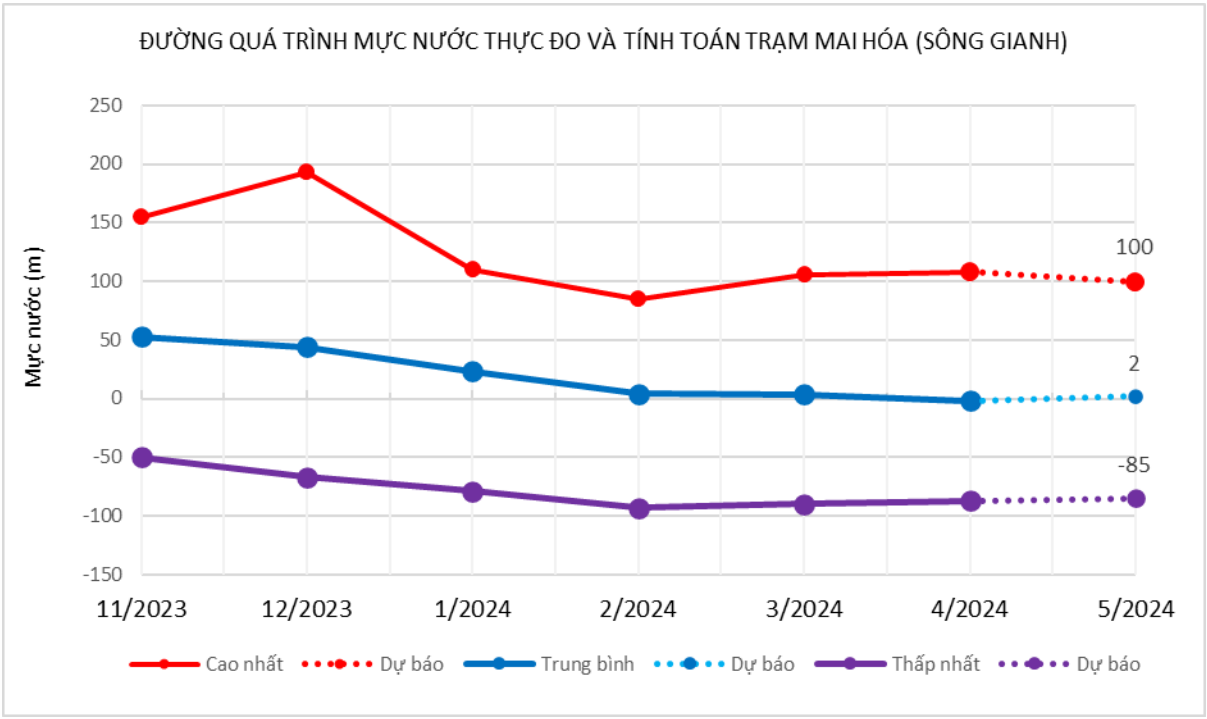
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)
Mực nước (m)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
-150
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
100
2
-85
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

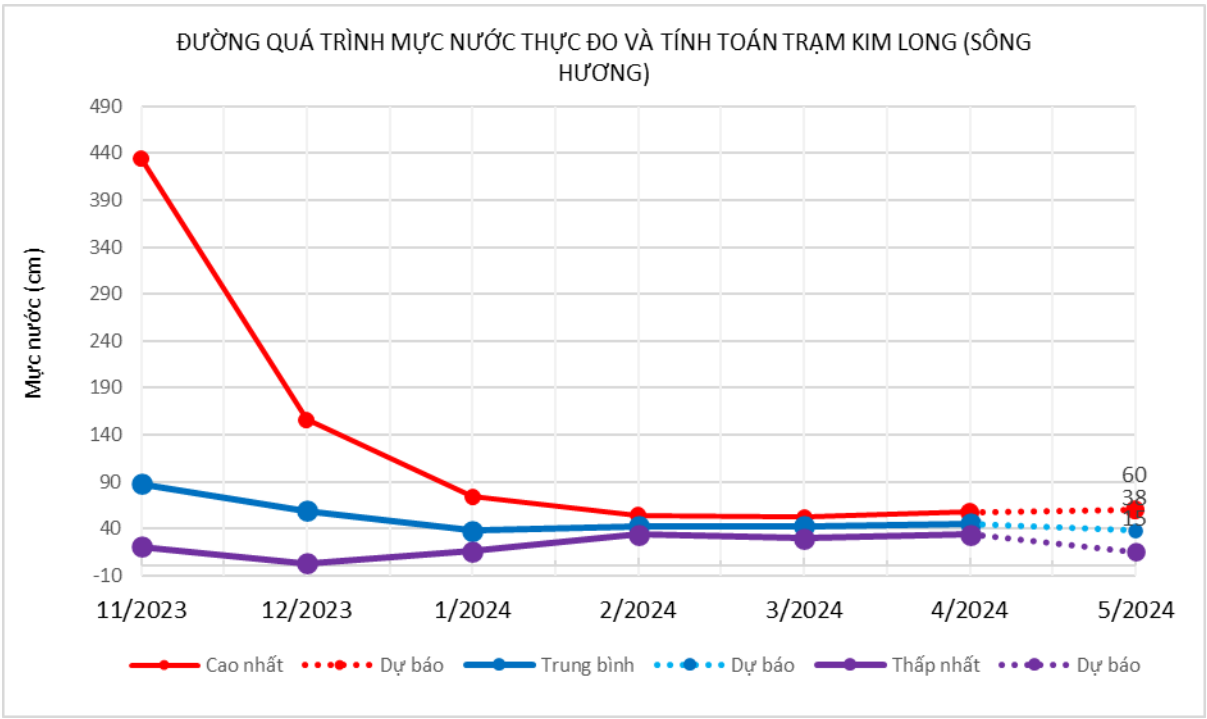
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)
Mực nước (cm)
490
440
390
340
290
240
190
140
90
40
-10
11/2023
12/2023
1/2024
2/2024
3/2024
4/2024
5/2024
60
38
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

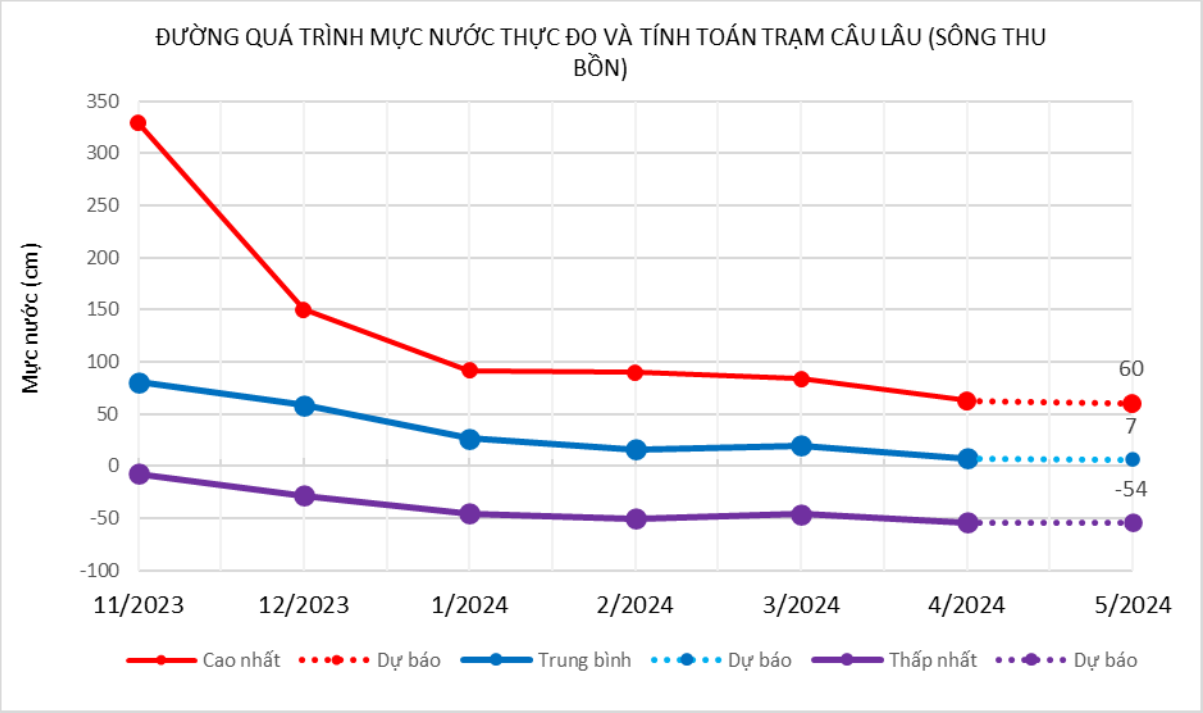

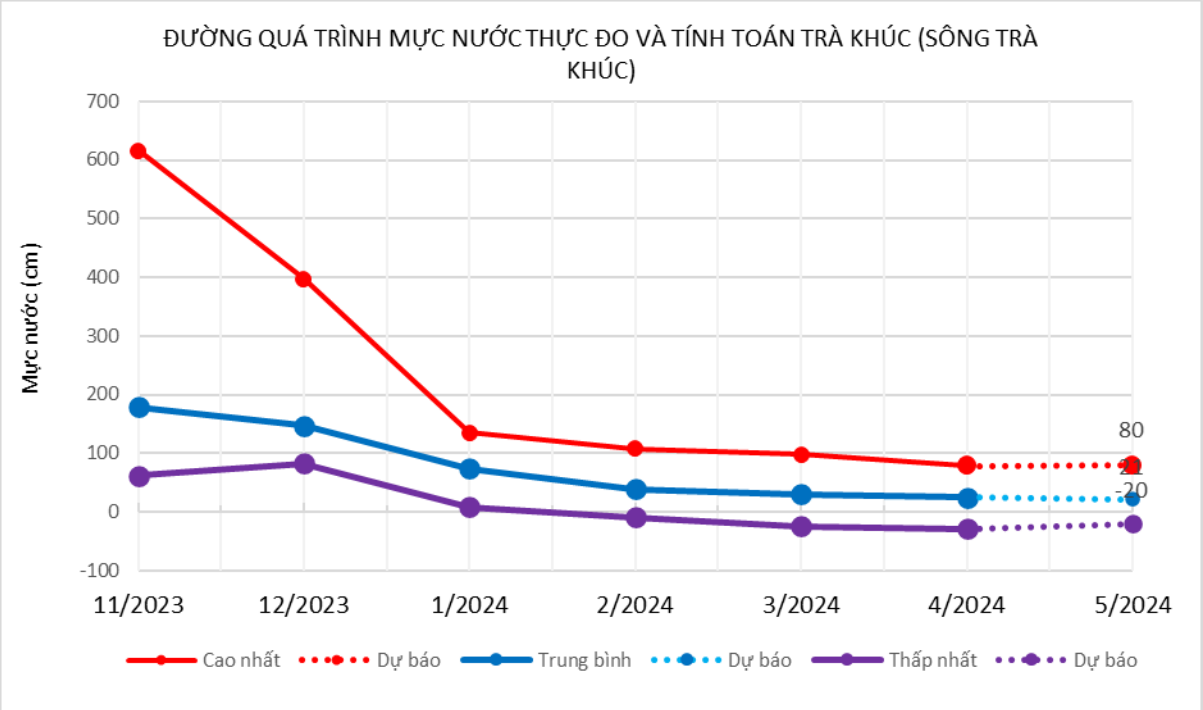

5. Khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng, trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận mực nước biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Tại Củng Sơn trên sông Ba đã xuất hiện Hmin lịch sử 25,0m (lúc 7h ngày 29/4/2024).

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng tới, trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận có khả năng xảy ra 1-2 đợt dao động. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

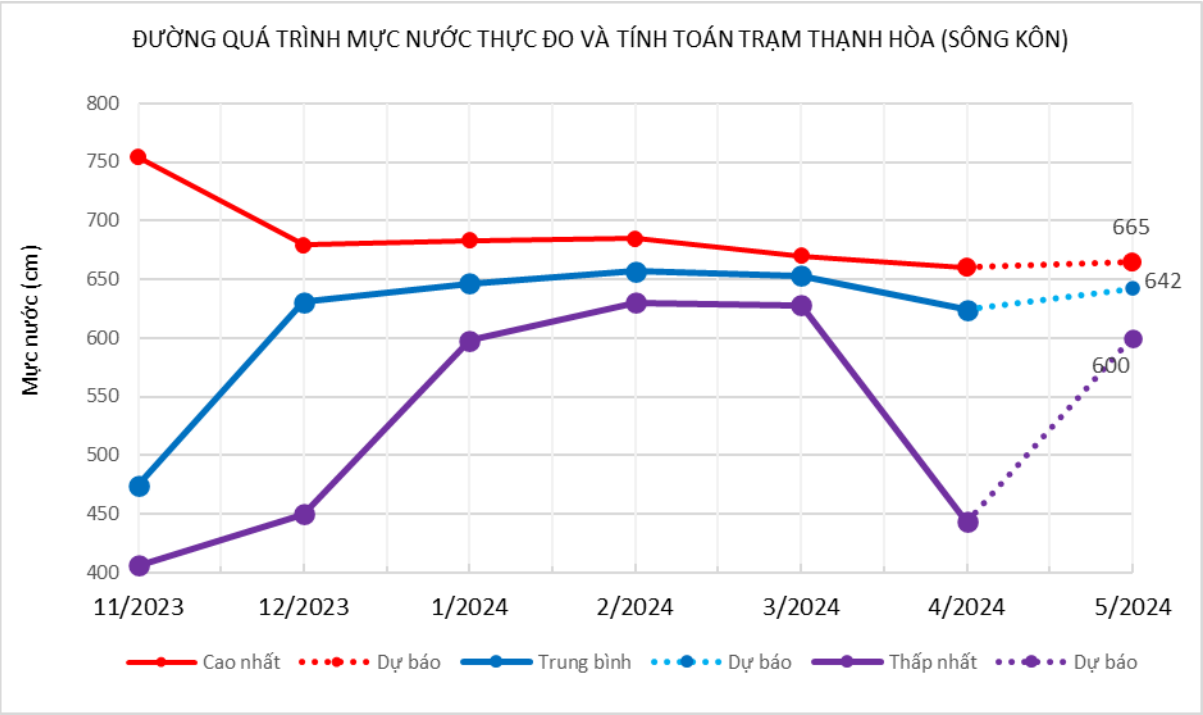

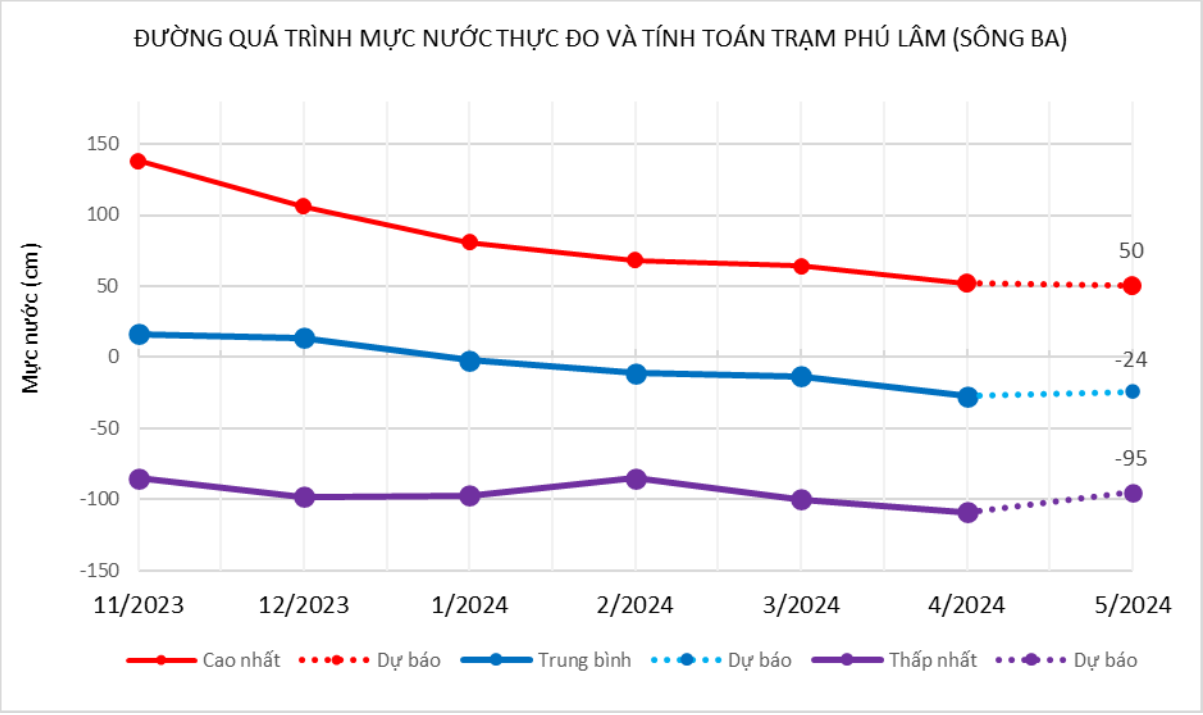

6. Khu vực Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng, mực nước trên sông Đăkbla (Kon Tum) tại trạm KonPlong đã xuống tương đương mực nước thấp nhất lịch sử là 590,37m (19h/13/4/2024). Mực nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm, các sông khác mực nước phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế tăng nhẹ. Mực nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

Tình trạng khô hạn, thiếu nước tiếp tục xảy ra trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên

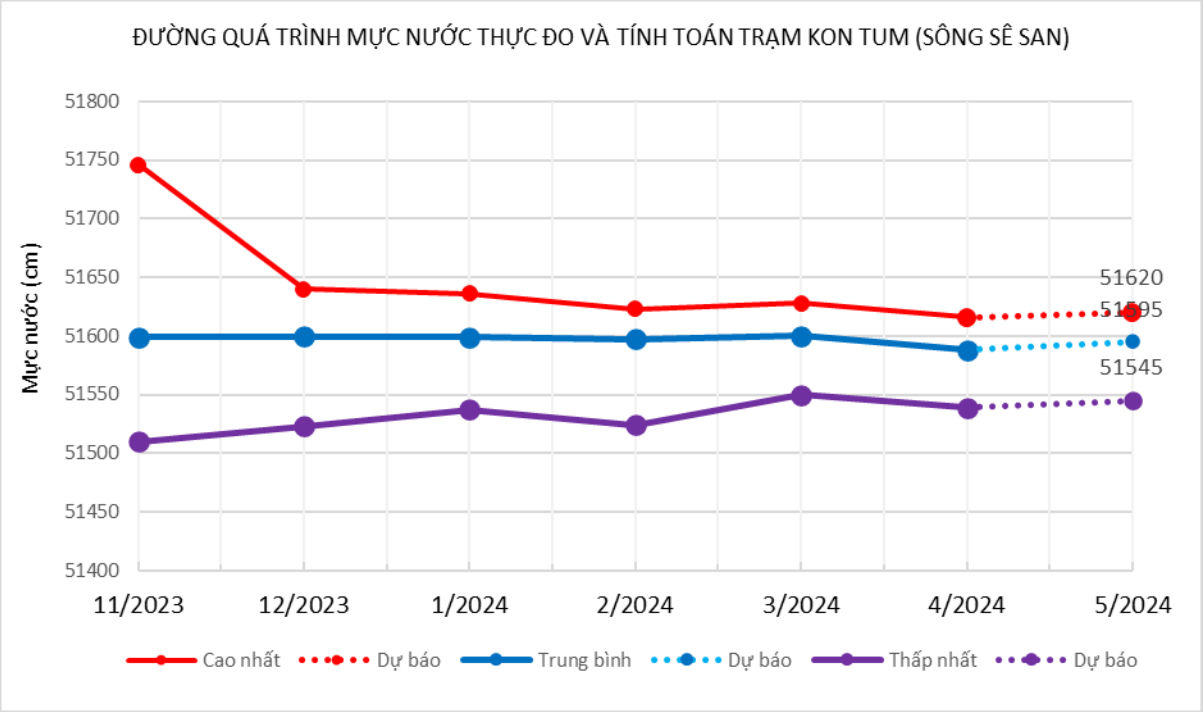

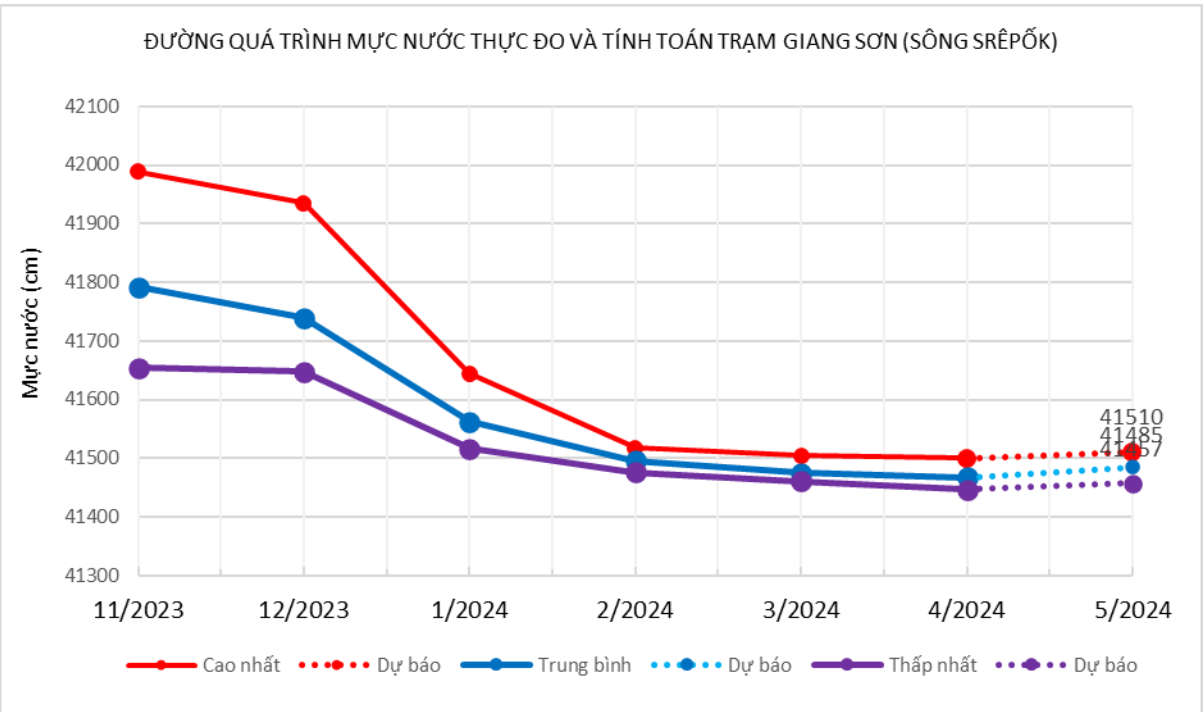

7. Khu vực Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước sông Đồng Nai biến đổi chậm. Mực nước cao nhất trên sông Đồng Nai tại Tà Lài 110,66m (19h/05/4).

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,39m (ngày 11/4), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,67m (ngày 11/4).

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Đồng Nai có dao động.

Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều theo, mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại Tân Châu 1,25m, trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,45m.

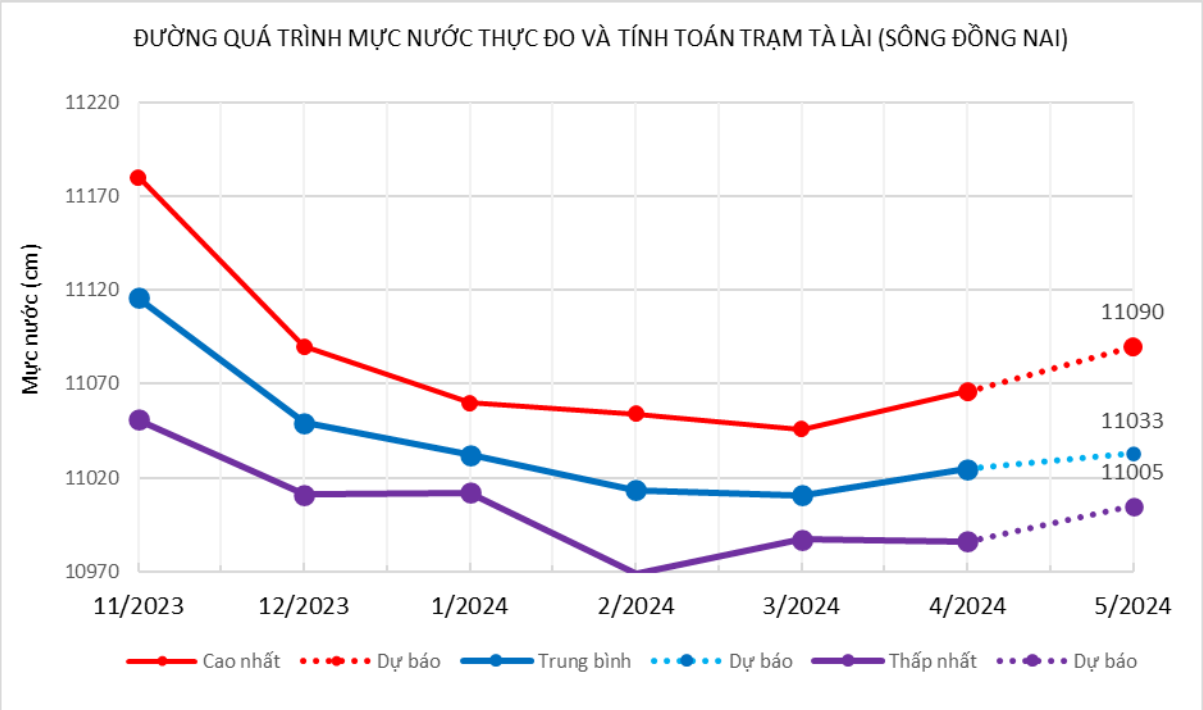

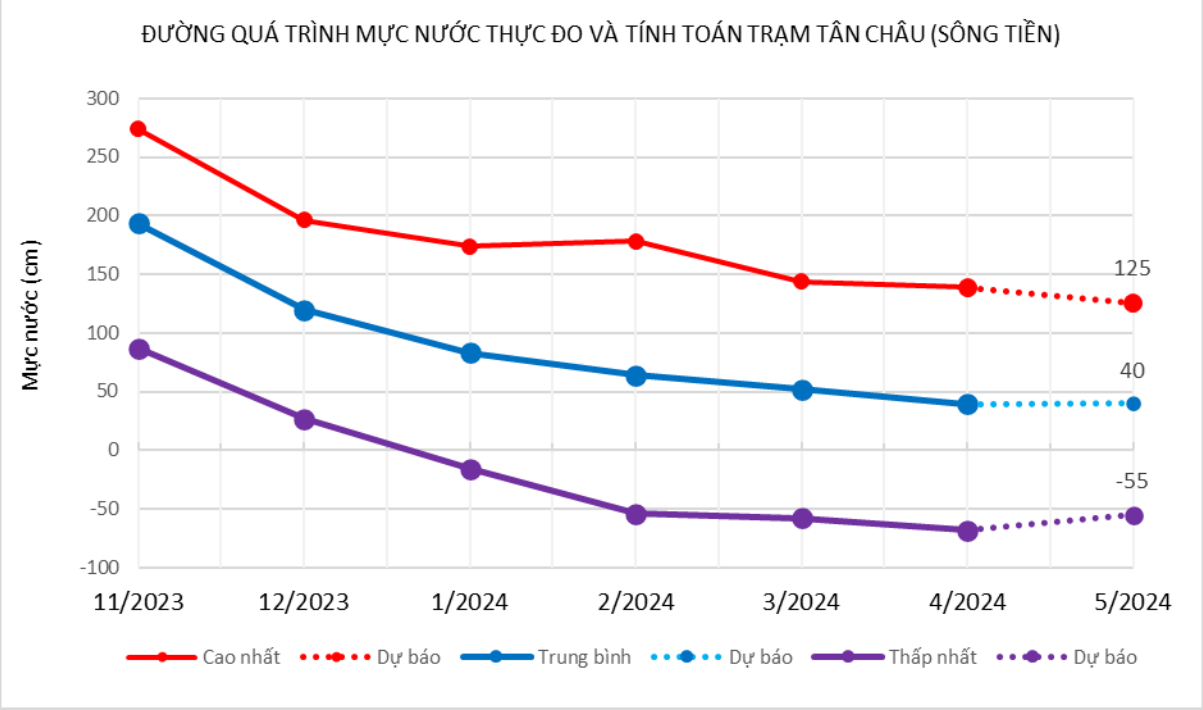

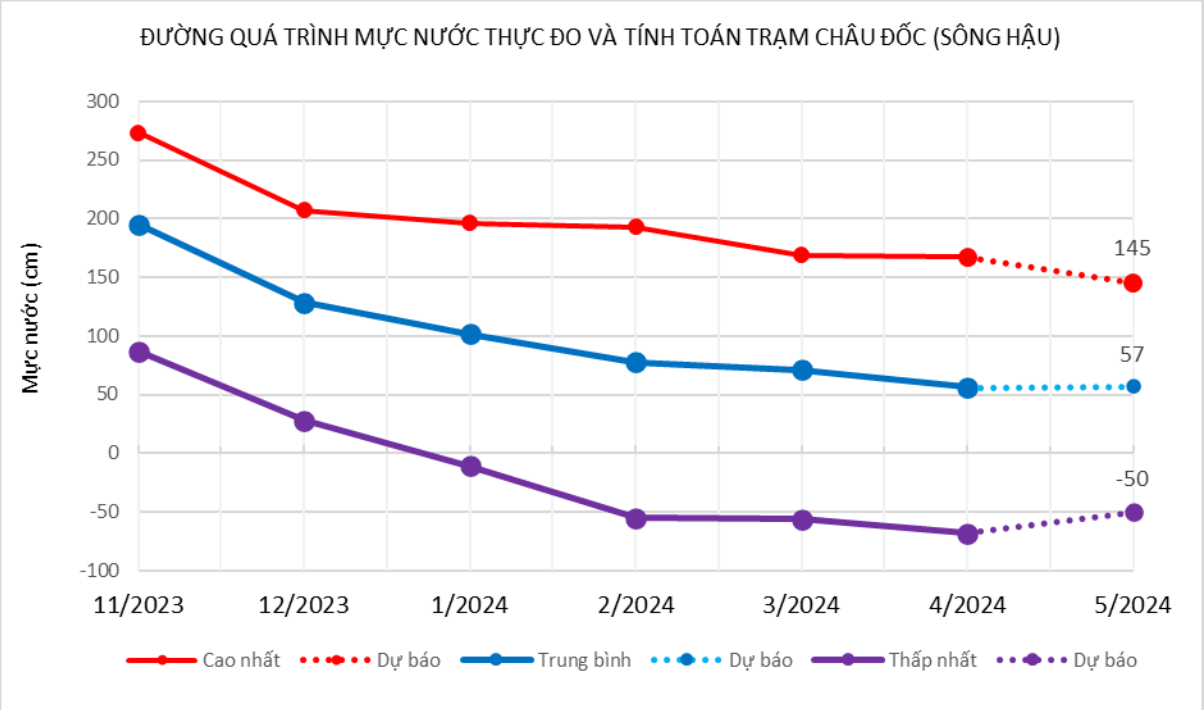

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h ngày 01/6/2024

Tin phát lúc: 15h00 **Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục: Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	972	2681	40	1300	2600	40	1400	2500	40	1380	2700	40	1360	2700	40
Thao	Yên Bái	2325	2407	2294	2360	2440	2320	2400	2500	2350	2440	2530	2400	2400	2530	2320
Thao	Phú Thọ	1073	1135	1040	1100	1180	1050	1120	1200	1080	1140	1220	1100	1120	1220	1050
Lô	Tuyên Quang	1226	1353	1130	1235	1300	1140	1240	1320	1145	1245	1360	1145	1240	1360	1140
Lô	Vụ Quang	469	499	457	470	500	460	475	505	460	480	510	470	475	510	460
Cầu	Đáp Cầu	62	135	3	60	125	5	60	130	10	90	230	10	70	230	5
Thương	Phủ Lạng Thương	49	134	-23	45	130	-10	50	130	-5	85	210	1	60	210	-10
Lục Nam	Lục Nam	34	131	-39	35	120	-20	40	125	-15	75	220	-10	50	220	-20
Hồng	Hà Nội	92	176	14	100	160	40	125	200	60	165	240	70	130	240	40
Hoàng Long	Bến Đế	26	87	-32	30	80	-25	45	95	-20	60	130	-5	45	130	-25
Thái Bình	Phả Lại	48	135	-30	45	110	-15	50	120	-10	70	170	-5	55	170	-15
Mã	Giàng	26	167	-109	28	150	-90	20	160	-110	27	155	-100	25	160	-110
Cả	Nam Đàn	16	137	-85	18	110	-75	10	110	-85	20	120	-75	16	120	-85

La	Linh cảm	8	134	-119	11	110	-105	5	110	-120	10	115	-105	9	115	-120
Giang	Mai Hóa	-2	108	-87	2	80	-80	2	100	-85	1	96	-85	2	100	-85
Hương	Kim Long	45	58	34	41	58	30	38	60	22	35	55	15	38	60	15
Thu Bồn	Câu Lâu	8	63	-54	7	58	-52	7	60	-48	6	55	-54	7	60	-54
Trà Khúc	Trà Khúc	25	79	-29	21	75	-15	22	80	-16	19	70	-20	21	80	-20
Kôn	Thạnh Hòa	598	644	443	646	665	620	643	660	615	638	660	600	642	665	600
Đà Rằng	Phú Lâm	-27	51	-100	-29	30	-85	-22	50	-90	-20	45	-95	-24	50	-95
Đăkbla	Kon Tum	51588	51616	51539	51593	51615	51545	51597	51620	51550	51595	51620	51560	51595	51620	51545
Krông Ana	Giang Sơn	41467	41500	41446	41465	41475	41457	41488	41500	41475	41502	41510	41490	41485	41510	41457
Đồng Nai	Tà Lài	11025	11066	10986	11023	11055	11005	11030	11060	11015	11045	11090	11020	11033	11090	11005
Tiền	Tân Châu	39	139	-68	38	125	-55	42	120	-45	39	120	-55	40	125	-55
Hậu	Châu Đốc	56	167	-68	53	145	-50	60	140	-45	57	140	-50	57	145	-50